TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 09-5-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C2

Địa chỉ: số A, phố L, H, H, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc;

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng T1 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C2).

2. *Bị đơn*: Bà Lê Kim C, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn H, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Anh Lê Trung Q, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Bà Lê Kim C có đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2. Các thành viên gia đình khác gồm ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q có văn bản ngày 08/02/2017 thỏa thuận cử bà Lê Kim C đại diện theo ủy quyền cho tất cả thành viên hộ gia đình để thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C2 xã hội theo quy định trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Trưởng ấp). Cụ thể hộ gia đình bà C đã vay các khoản vay như sau:

Khoản vay chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay số 6600000709385908 vào ngày 21/02/2017, số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn trả cuối cùng 21/02/2022, theo phân kỳ 06 tháng 01 lần. Hiện món vay đã gia hạn 03 lần nhưng hộ bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo cam kết.

Ngoài ra, bà C còn đứng tên vay vốn chương trình Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo mã món vay số 6600000708792793, số tiền 12.500.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng 21/9/2022, phân kỳ trả gốc 06 tháng 01 lần. Hiện món vay đã gia hạn 01 lần, hạn trả nợ cuối cùng là 21/12/2022 nhưng vẫn không thực hiện trả.

Do đó, Ngân hàng C2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Kim C, ông Lê Văn H, Lê Trung Q phải thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 24.500.000 đồng và yêu cầu tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ gốc đã vay.

Bị đơn bà Lê Thị Kim C1 trình bày và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải như sau:

Bà C1 và ông H có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội cho con đi học số tiền 12.500.000 đồng và vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường số

tiền 12.000.000 đồng. Bà C1 và ông H có trả lãi hàng tháng 180.000 đồng. Thời gian gần đây kinh tế khó khăn nên không trả gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách được. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hộ, bà C1 và ông H đề nghị được trả dần gốc và lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết nợ gốc và lãi.

Anh Lê Trung Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Lê Thị Kim C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, Bị đơn bà Lê Thị Kim C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử. Việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần mà không phải vì lý do chính đáng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng có cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh gồm có Sổ vay vốn, Giấy ủy quyền, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, Giấy xác nhận của Trường Đại học N xác nhận anh Lê Trung Q là sinh viên của trường. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn bà Lê Kim C1 là người đứng tên vay, ông Lê Văn H là chồng của bà C1, anh Lê Trung Q là con của ông H và bà C1, cùng

sống chung trong hộ gia đình. Tại "Giấy ủy quyền" ngày 08/02/2017 của các thành viên trong hộ gia đình bà C1 thể hiện: hộ gia đình bà C1 gồm có bà C1, ông H, anh Q; ông H và anh Q đã ký ủy quyền cho bà C1 đại diện hộ gia đình ký tên vay vốn của Ngân hàng C2; Các thành viên gia đình cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng C2. Các giấy đề nghị vay vốn, sổ vay vốn, tờ rời thể hiện hộ bà C1 đã vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chín sách huyện T 02 khoản vay, gồm: vay chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay số 6600000709385908 vào ngày 21/02/2017, số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn trả cuối cùng 21/02/2022, theo phân kỳ 06 tháng 01 lần; vay vốn chương trình Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo mã món vay số 6600000708792793, số tiền 12.500.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng 21/9/2022, phân kỳ trả gốc 06 tháng 01 lần. Ông H và bà C1 thừa nhận đã vay các khoản như đã nêu và thừa nhận không thực hiện trả nợ gốc và lãi đúng hạn do khinh tế khó khăn.

Như vậy, hợp đồng giữa các bên đương sự ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng có nêu rõ về mức về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả nợ gốc và lãi. Sổ vay vốn còn có ghi cụ thể quyền và nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà C1, ông H và anh Q đã không thực hiện trả gốc, lãi đúng theo phân kỳ đã thỏa thuận. Tại thời điểm khởi kiện, món vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã gia hạn 03 lần, món vay chương trình Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đã gia hạn 01 lần, hạn trả nợ cuối cùng là 21/12/2022 nhưng hộ bà C1 vẫn không thực hiện trả gốc và lãi theo cam kết.

Xét thấy hộ gia đình bà C1 được ưu tiên vay tiền của Ngân hàng C2 nhưng đã vi phạm hợp đồng vay, không thanh toán gốc và lãi đúng thỏa thuận, mặc dù được gia hạn nhưng vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng C2 để đảm bảo thu hồi nợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cần buộc bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C2 số tiền nợ gốc của 02 khoản đã vay là 24.500.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử (09/5/2024) là 10.368.047 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 34.868.047 đồng. Ngoài ra, bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q còn có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay cho đến khi trả xong khoản nợ gốc theo quy định của pháp luật.

[4] Về thời gian trả: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C1 và ông H đề nghị cho trả dần 1.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, anh Q

vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C2 không đồng ý cho trả dần như yêu cầu của bà C1 và ông H. Do đó, về thời gian trả, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Ngân hàng C2 không phải chịu án phí. Bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C2. Buộc bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C2 (Thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2) số tiền gốc là 24.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/5/2024 (ngày xét xử) là 10.368.047đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 34.868.047 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn không trăm bốn mươi bảy nghìn).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ngân hàng C2 không phải chịu án phí.

Bà Lê Kim C1, ông Lê Văn H, anh Lê Trung Q có nghĩa vụ liên đới chịu 1.734.302 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ hai đồng) án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**